TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày: 05 – 7 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tua

Ông Phạm Trần Phú Tín

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Bích Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020; Thông báo hoãn phiên tòa số: 40/2020/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh Bảo C, sinh năm: 1992; Tên gọi khác: Không có: Nơi sinh: huyện L, tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: ấp 2, xã V, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn Duy N và bà Nguyễn Thị Huỳnh N1; Có vợ Nguyễn Thị T và có 01 người con Nguyễn Hoàng Gia V, sinh ngày: 06/5/2018; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Tại Quyết định số: 527/QĐ-QĐ ngày 22/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh H Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời gian là 03 tháng; Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến 25/12/2019 chuyển tạm giam đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: ấp 01, xã V, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

2. Chị Võ Thị Hoàng L, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: ấp 02, xã V, huyện T, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị M, sinh năm: 1957.

Nơi cư trú: ấp 02, xã V, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

3. Anh Lý Xuân Đồng T1, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: ấp 06, xã V, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

4. Chị Tăng Thị Kiều O, sinh năm: 1974.

Nơi cư trú: ấp 02, xã V, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc C1, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: ấp 05, thị trấn N, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Hoàng E, sinh năm: 1971.

Nơi cư trú: ấp 01, xã V, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

2. Ông Võ Văn S, sinh năm: 1964.

Nơi cư trú: ấp 03, thị trấn N, huyện V, tỉnh H (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. Anh Phạm Huỳnh Thanh S, sinh năm: 1970.

Nơi cư trú: ấp 09, xã T, huyện V, tỉnh H (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: ấp 09, xã T, huyện V, tỉnh H (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

5. Anh Lê Văn B, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: ấp 01, xã V, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

6. Chị Trần Thị H, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: ấp 01, xã V, huyện T, tỉnh H (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: ấp 09, xã T, huyện V, tỉnh H (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: ấp 09, xã T, huyện V, tỉnh H (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: ấp 01, xã V, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

10. Ông Lý Xuân B1, sinh năm: 1947.

Nơi cư trú: ấp 06, xã V, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

11. Ông Nguyễn Tấn Duy N, sinh năm: 1966

Nơi cư trú: ấp 02, xã V, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

12. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm: 1968.

Nơi cư trú: ấp 02, xã V, huyện T, tỉnh H (có mặt).

13. Anh Huỳnh Thái P, sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: Số 59/20/01/6 Liên khu 10_11, phường Q, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: ấp 02, xã Đ, huyện L, tỉnh H(có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Anh Trần Bá D, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: ấp 02, xã V, huyện T, tỉnh H (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 03/12/2019, chị Dương Thị Hồng T4 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Click màu xanh đen, biển kiểm soát 95B1-266.02 (xe do chồng của chị Tươi là anh Nguyễn Trọng K đứng tên chủ sở hữu) đậu ở trong nhà sau. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày thì phát hiện xe bị một đối tượng lấy trộm chạy về hướng xã V, huyện T, tỉnh H nên trình báo Công an.

Đến ngày 22/12/2019, Nguyễn Huỳnh Bảo C đến Công an huyện Vị Thủy đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Trọng K.

Quá trình điều tra, Nguyễn Huỳnh Bảo C khai nhận khi lấy trộm được tài sản đã điều khiển xe đi TP. Hồ Chí Minh, trên đường đi tháo biển kiểm soát xe

vứt bỏ và điều khiển xe đến nhà của Huỳnh Thái P là anh vợ tại địa chỉ 59/20/01/6 Liên khu 10-11, phường Q, quận Y, TP. Hồ Chí Minh cất giữ. Công an huyện Vị Thủy đã thu hồi tài sản trả cho bị hại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 2353/KL-HĐ.ĐGTS ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy kết luận: 01 xe hiệu Honda Click có giá trị là 37.800.000 đồng *(Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng)*.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, Nguyễn Huỳnh Bảo C còn khai nhận thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản và 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Đối với hành vi trộm cắp tài sản:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 24/11/2019 Nguyễn Huỳnh Bảo C vào nhà chị Võ Thị Hoàng L lấy trộm card điện thoại và tiền Việt Nam 700.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 114/KL-HĐ.ĐGTS ngày 14/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy kết luận: Số thẻ cào bị chiếm đoạt có giá trị tài sản là: 6.900.000 đồng *(Sáu triệu chín trăm nghìn đồng)*.

Vụ thứ 2: Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 14/12/2019, Nguyễn Huỳnh Bảo C vào nhà anh Lý Xuân Đồng T1 lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 65F7- 9883. Sau khi lấy trộm được xe thì C dùng làm phương tiện đi lại, đến ngày 17/12/2019 khi C điều khiển xe biển kiểm soát 65F7- 9883, phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 95B1- 754.32 loại xe Wave 110 màu xanh đen bạc có giá trị lớn hơn, nên C đã trộm xe này và bỏ lại xe biển kiểm soát 65F7- 9883. Công an huyện Vị Thủy đã tạm giữ và trả cho bị hại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 113/KL-HĐ.ĐGTS ngày 14/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy kết luận: 01 xe Havico, biển kiểm soát 65F7-9883 có giá trị tài sản là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*.

Vụ thứ 3: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 17/12/2019, Nguyễn Huỳnh Bảo C vào nhà chị Tăng Thị Kiều O lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 95B1- 754.32 loại xe Wave 110 màu xanh đen bạc, đậu trong sân nhà có để sẵn chìa khóa. Sau khi trộm được tài sản, C điều khiển xe lên TP. Hồ Chí Minh bán cho một người

thanh niên không xác định được đặc điểm nhân thân với số tiền 6.000.000 đồng, sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 112/KL-HĐ.ĐGTS ngày 14/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy kết luận: 01 xe máy hiệu Wave, biển kiểm soát 95B1-754.32 có giá trị tài sản là 17.100.000 đồng *(Mười bảy triệu một trăm nghìn đồng)*.

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Vào khoảng cuối tháng 10/2019 do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Huỳnh Bảo C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là tiền mua vật liệu xây dựng của chị Nguyễn Thị Ngọc C1 là chủ vật liệu xây dựng Z thuộc ấp 05, thị trấn N, huyện V, tỉnh H, với thủ đoạn mua vật liệu xây dựng nợ tiền không trả và bán lại cho người mua giá rẻ để lấy tiền mặt. Để thực hiện hành vi phạm tội, C tìm người có nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng và tự giới thiệu là có vật liệu xây dựng bán giá rẻ cho người mua. Khi có người mua về chủng loại vật liệu xây dựng, C dùng điện thoại có số thuê bao 0927120384 không đăng ký thông tin, gọi điện thoại cho chị C1, tự xưng tên Vũ là người quen, C yêu cầu chị C1 bán vật liệu xây dựng theo yêu cầu và chở đến nhiều địa điểm khác nhau do C định sẵn. Do trước đó C làm tài xế cho Vật liệu xây dựng Y, sợ bị chị C1 phát hiện nên khi nhận vật liệu, thì C kêu người khác nhận thay. Với thủ đoạn trên C đã mua nhiều lần vật liệu xây dựng của chị C1. Cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 25/10/2019, C mua và yêu cầu chị C1 chở vật liệu xây dựng đến khu vực Kinh Ngang thuộc ấp 7, xã V, huyện T giao vật liệu xây dựng gồm: Sắt Phi 10 Tây đô, số lượng 25 cây, đơn giá 89.000 đồng/cây, thành tiền là 2.225.000 đồng; Sắt Phi 6 Tây đô, số lượng 59 kg, đơn giá 15.000 đồng/kg, thành tiền là 889.000 đồng. Tổng số tiền C chiếm đoạt là 3.114.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 28/10/2019, C mua và yêu cầu chị C1 chở vật liệu xây dựng đến khu vực Kinh Ngang thuộc ấp 7, xã V, huyện T giao vật liệu xây dựng gồm: Xi măng Tây đô, số lượng 20 bao, đơn giá 85.000 đồng/bao, thành tiền là 1.700.000 đồng; Sắt Phi 10 Tây đô, số lượng 06 cây, đơn giá 89.000 đồng/cây, thành tiền là 534.000 đồng; Sắt Phi 8 Tây đô, số lượng 70 kg, đơn giá 15.000 đồng/kg, thành tiền là 1.050.000 đồng. Tổng số tiền C chiếm đoạt là 3.284.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 01/11/2019, C mua và yêu cầu chị C1 chở vật liệu xây dựng đến khu vực cầu Nước Đục thuộc ấp 9, xã T, huyện V giao vật liệu xây dựng gồm:

Xi măng Tây đô, số lượng 60 bao, đơn giá 80.000 đồng/bao, thành tiền là 4.800.000 đồng. Tổng số tiền C chiếm đoạt là 4.800.000 đồng.

Lần 4: Vào ngày 03/11/2019, C mua và yêu cầu chị C1 chở vật liệu xây dựng đến khu vực cầu Nước Đục thuộc ấp 9, xã T, huyện V giao vật liệu xây dựng gồm: Sắt Phi 8 Tây đô, số lượng 53 kg, đơn giá 15.000 đồng/kg, thành tiền là 795.000 đồng; Sắt Phi 10 Tây đô, số lượng 05 cây, đơn giá 89.000 đồng/cây, thành tiền là 445.000 đồng; Lưới B40 loại 1.5, trọng lượng 101kg, đơn giá 18.000 đồng/kg, thành tiền là 1.818.000 đồng; Xi măng Tây đô, số lượng 10 bao, đơn giá 80.000 đồng/bao, thành tiền là 800.000 đồng; Xi măng Tây đô, số lượng 50 bao, đơn giá 80.000 đồng/bao, thành tiền là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền C chiếm đoạt là 7.858.000 đồng.

Lần 5: Vào ngày 07/11/2019, C thuê xe của anh Nguyễn Hoàng E đến Cơ sở vật liệu xây dựng của chị C1 mua vật liệu xây dựng gồm: Xi măng Tây đô, số lượng 25 bao, đơn giá 80.000 đồng/bao, thành tiền là 2.000.000 đồng. Sắt Phi 12 Tây đô, số lượng 06 cây, đơn giá 145.000 đồng/cây, thành tiền là 870.000 đồng; Tổng số tiền C chiếm đoạt trong lần này là 2.870.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số: 115/KL-HĐ.ĐGTS ngày 14/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy kết luận: Tổng tài sản bị chiếm đoạt là 21.922.000 đồng *(Hai mươi một triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng)*.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Huỳnh Bảo C đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 04 lần với tổng số tiền là 64.500.000 đồng và thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 05 lần với tổng số tiền là 21.922.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Vị Thủy thu giữ vật chứng và đồ vật liên quan đến vụ án, đã trả lại cho bị hại, đưa vào hồ sơ vụ án và tiếp tục tạm giữ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Nguyễn Huỳnh Bảo C đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại chị Tăng Thị Kiều O số tiền 18.500.000 đồng *(Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng)*, bị hại không có yêu cầu gì thêm.

+ Các bị hại Nguyễn Trọng K, Lý Xuân Đồng T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

+ Bị hại Võ Thị Hoàng L yêu cầu bồi thường 7.600.000 đồng.

+ Bị hại Nguyễn Thị Ngọc C1 đã thỏa thuận với gia đình của C nên chưa yêu cầu về trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

Tại cáo trạng số 15/CT-VKS-HVT, ngày 17/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang để xét xử về "Tội Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 và "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang giữ nguyên Quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C phạm "Tội Trộm cắp tài sản" và "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đối với tội Trộm cắp tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/12/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình xử lý các vật chứng trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không trình bày tại phiên tòa.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa,

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vị Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, các bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các bị hại anh Nguyễn Trọng K, anh Lý Xuân Đồng T1, người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Hoàng L bà Ngô Thị M, chị Tăng Thị Kiều O, chị Nguyễn Thị Ngọc C1; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thúy H, ông Lý Xuân B1, ông Nguyễn Tấn Duy N, anh Huỳnh Thái P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng E, anh Võ Văn S, anh Phạm Huỳnh Thanh S, anh Nguyễn Thành T, chị Trần Thị H, anh Nguyễn Hoàng A, anh Nguyễn Văn T3 và các người làm chứng anh Nguyễn Văn L1, anh Trần Bá D có yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các đương sự đã cung cấp lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C khai nhận:

[3.1] Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Tại phiên tòa trong phần xét hỏi bị cáo khai nhận chỉ gọi điện thoại cho chị C1 03 lần để mua vật liệu, xây dựng và cho rằng chị C1 tách các lần giao vật liệu xây dựng ra 05 lần để giao cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo cho rằng trong thời gian phạm tội bị cáo có nghề

nghiệp ổn định nên bị cáo bị truy tố với tình tiết định khung "Có tính chất chuyên nghiệp" là nặng đối với bị cáo.

[3.1.1] Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2020 (BL156), biên bản phúc cung ngày 15/4/2020 bị cáo cũng thừa nhận bị cáo thực hiện 05 lần hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị C1. Đối chiếu lời khai của bị cáo với lời khai của bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người mà bị cáo thuê để nhận hoặc để bị cáo bán vật liệu xây dựng là phù hợp nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ ngày 25/10/2019 đến ngày 07/11/2019, bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các lần đều trên định lượng tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự và tại Bản kết luận định giá số 115/KL-HĐ.ĐGTS ngày 14/01/2020 kết luận: Tổng tài sản bị chiếm đoạt là 21.922.000 đồng *(Hai mươi một triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng)*. Đối với việc bị cáo cho rằng bị cáo có nghề nghiệp ổn định, Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình điều tra đã chứng minh được vào thời điểm bị cáo phạm tội bị cáo không còn làm cho vật liệu xây dựng Y và trong thời gian từ ngày 22/10/2019 bị cáo đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã. Trong thời gian bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và bị cáo cũng thừa nhận việc thực hiện hành vi phạm tội là để có tiền tiêu xài cá nhân.

[3.1.2] Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố, không bị ép cung, móm cung, hay dùng nhục hình... đối với bị cáo và việc khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, đến phần tranh luận bị cáo đã nhận thấy được hành vi sai trái của bị cáo và đã thừa nhận hành vi phạm tội. Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, các lời khai của bị cáo nại ra tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung "Có tính chất chuyên nghiệp" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với Tội trộm cắp tài sản: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận sau nhiều lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản sợ chị Nguyễn Thị Ngọc C1 phát hiện, bị cáo đã không tiếp tục thực hiện hành vi phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và để tiếp tục có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian 24/11/2019 đến ngày 17/12/2019 bị cáo đã 04 lần lén lúc lúc lấy trộm tài sản của các bị hại Nguyễn Trọng K, chị Võ Thị Hoàng L, anh Lý Xuân Đồng T1, chị

Tăng Thị Kiều O. Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các người làm chứng; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C là người đã lén lúc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại nêu trên và giá trị tài sản các lần bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá đều trên định lượng tối thiểu để xử lý trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra đã chứng minh được tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 64.500.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang áp dụng tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để truy tố và đề nghị Tòa án xét xử bị cáo về "Tội Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo 05 lần thực hiện hành vi phạm tội và tội trộm cắp tài sản bị cáo 04 lần thực hiện hành phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mặc dù, tại phiên tòa trong phần xét hỏi bị cáo chưa thành khẩn khai báo, nhưng đến phần tranh luận bị cáo đã nhận thấy được hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét mức độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của bị cáo, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5.2] Đối với tội Trộm cắp tài sản sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường, thỏa thuận bồi thường với bị hại; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5.3] Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C là thanh niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo là người có sức khỏe nhưng không lo tìm công việc để

có thu nhập nuôi sống bản thân. Trái lại, với bản tính lười biến, thích hưởng thụ, nhanh chóng muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối và lén lúc, lợi dụng sự thiếu hiểu biết và sự sơ hở lỗng lẽo trong việc quản lý tài sản của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Trong vụ án này bị cáo 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt và 04 lần trộm cắp tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, bị cáo phạm tội đang trong giai đoạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, cho thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây tâm lý hoan mang, mất lòng tin trong nhân dân, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và cũng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét, đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định mức hình phạt, tương xứng. Với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, xét thấy mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*; khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000"*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều cho thấy bị cáo có nghề nghiệp Lái xe nhưng hiện tại bị cáo không có việc làm, không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo**.**

[8] Bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C đang trong thời gian chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã V, huyện T, tỉnh H thời gian là 03 tháng từ ngày 22/10/2019 thì đến ngày 25/12/2019 bị khởi tố về tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính thì bị cáo được được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã

số 527/QĐ-UB ngày 22/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận Tây, V, huyện T, tỉnh H.

[9] Đối với những người tiêu thụ tài sản là vật liệu xây dựng gồm: anh Nguyễn Thành T, anh Lê Văn B, chị Trần Thị H, anh Nguyễn Hoàng A, anh Nguyễn Văn T3 và người mua thẻ cào chị Nguyễn Thúy H quá trình điều tra đã chứng minh được khi mua tài sản do bị cáo C bán không biết các tài sản đó do C phạm tội mà có; Đối với Huỳnh Thái P là người giữ xe hiệu Honda Click màu xanh đen biển kiểm soát số: 95B1-266.02 của C nhưng không biết tài sản do C phạm tội mà có; Đối với Võ Văn S, Phạm Huỳnh Thanh S chở thuê vật liệu xây dựng cho bị cáo C nhưng không biết hành vi phạm tội của bị cáo C nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự các đương sự nêu trên.

[10] Đối với các đối tượng Phan Trường G, T5 (chưa rỏ nhân thân) chưa làm việc được. Đề nghị Công an huyện Vị Thủy tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C đã tác động bồi thường xong cho chị Tăng Thị Kiều O; các bị hại anh Nguyễn Trọng K, anh Lý Xuân Đồng T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

+ Đối với việc bị hại chị Võ Thị Hoàng L yêu cầu bị cáo bồi thường 7.600.000 đồng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho Võ Thị Hoàng L số tiền là 7.600.000 đồng.

+ Đối với bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc C1 đã thỏa thuận với gia đình của C và chưa yêu cầu về trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Xét thấy, việc chưa yêu cầu phần trách nhiệm dân sự của chị C1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi đương sự có yêu cầu

[12] Về vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy:

[12.1] 01 (một) xe hiệu Honda Click màu xanh đen biển kiểm soát số: 95B1-266.02 đã trả lại cho chủ sở hữu Nguyễn Trọng K; 01 (một) xe HAVICO, biển kiểm soát số 65F7- 9883 đã trả lại cho chủ sở hữu Lý Xuân Đồng T1 nên không đặt ra xem xét.

[12.2] Đối với các vật chứng: 01 (một) đôi dép màu vàng; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen; 01 (một) ống điếu 10 bằng kim loại; 01 (một) đoạn kim loại dài 5cm, một đầu hình lục giác, một đầu dẹp được gọi là đoản; 01 (một) cục sạc điện thoại Microsoft màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) chùm chìa khóa, gồm một chìa khóa xe honđa, hai chìa khóa có chữ bosa và một chìa khóa cõ chữ Vicikini; 01 (một) chìa khóa có chữ made in china được móc vào thẻ sim 4G; 01 (một) điện thoại hiệu MEIZU màu đen bị ướt đã bị hỏng. Xét thấy, các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[12.3] Đối với số tiền việt Nam 2.685.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* thu giữ của bị cáo quá trình điều tra không chứng minh được liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo; Đối với 01 (một) cuộn lưới B40 là tài sản của chị C1 do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho chị C1.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

[2] Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

[3] Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C phải chấp hành là 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/12/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 *(Bốn mươi lăm)* ngày để đảm bảo thi hành án.

[4] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 30; Điều 106; Điều 292; Điều 293; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Đình chỉ Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số: 527/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh H với thời gian là 03 tháng đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Buộc bị cáo bồi thường cho chị Võ Thị Hoàng L số tiền 7.600.000 đồng *(Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).*

[6.2] Tách phần trách nhiệm dân sự của chị Nguyễn Thị Ngọc C1 thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[8] Về vật chứng:

[8.1] Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đôi dép màu vàng; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen; 01 (một) ống điếu 10 bằng kim loại; 01 (một) đoạn kim loại dài 5cm, một đầu hình lục giác, một đầu dẹp được gọi là đoản; 01 (một) cục sạc điện thoại Microsoft màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) chùm chìa khóa, gồm một chìa khóa xe honđa, hai chìa khóa có chữ bosa và một chìa khóa cõ chữ Vicikini; 01 (một) chìa khóa có chữ made in china được móc vào thẻ sim 4G; 01 (một) điện thoại hiệu MEIZU màu đen bị ướt đã bị hỏng.

[8.2] Trả lại bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C tiền việt Nam 2.685.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).*

[8.3] Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc C1 với 01 (một) cuộn lưới B40.

[8.4] Theo Quyết định chuyển vật chứng số 15/QĐ-VKS ngày 17/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Bảo C phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 380.000 đồng *(Ba trăm tám mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với các bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân tại xã phường nơi bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lư Trường Tây

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang (1b);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1b);
- Sở TP tỉnh HG (1b);
- VKSND H.Vị Thủy (1b);
- Công an H.Vị Thủy (1b);
- CCTHADS H.Vị Thủy (1b);
- Bị cáo (1b);
- 5 Bị hại (5b)
- 13 Người liên quan (13b);
- Lưu HSVA; VP.